FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (HNX: VLA)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,800
SL cổ phiếu LH	3,995,996
KLGD BQ 20 phiên (CP)	385
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	50
P/E	22.3
EPS	561

	YTD	1T	3T	6T
VLA	19.0%	-2.3%	20.2%	-5.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

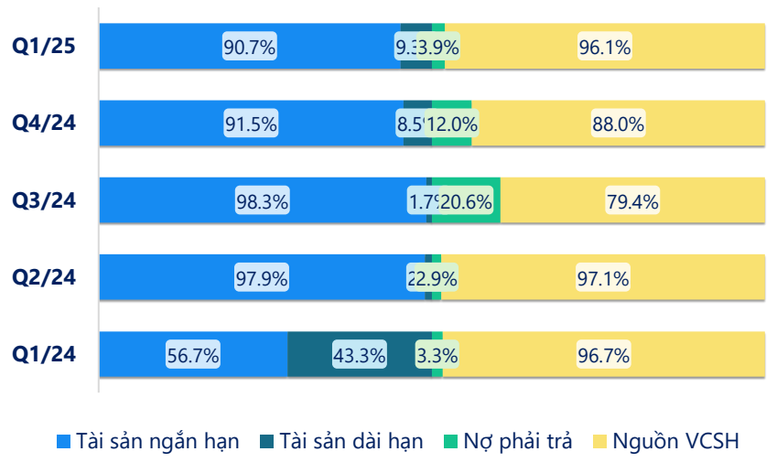

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

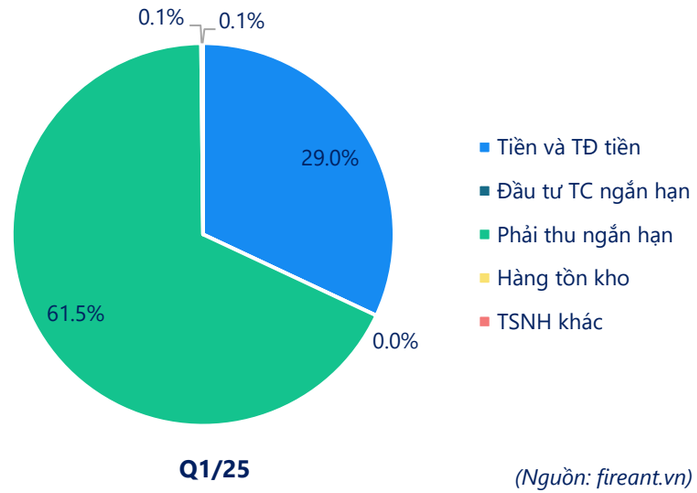

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

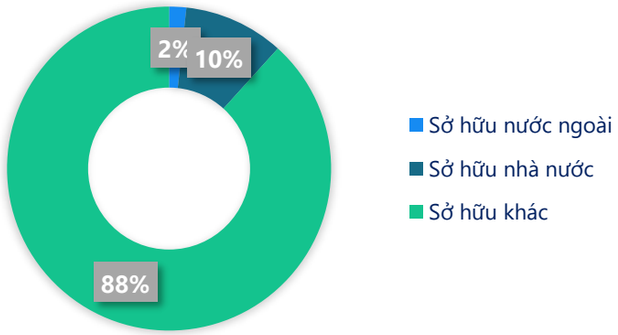

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

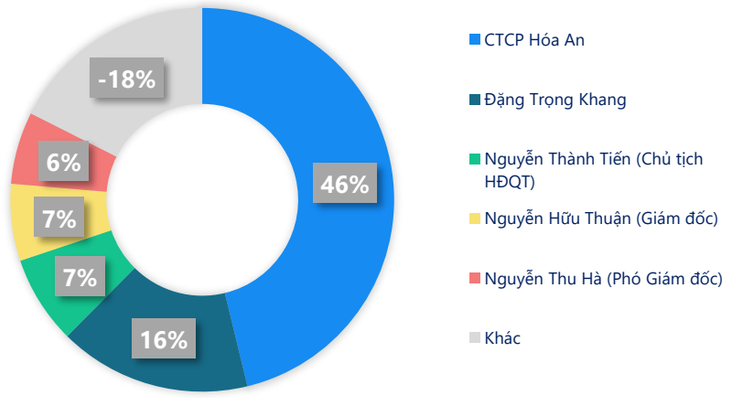

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

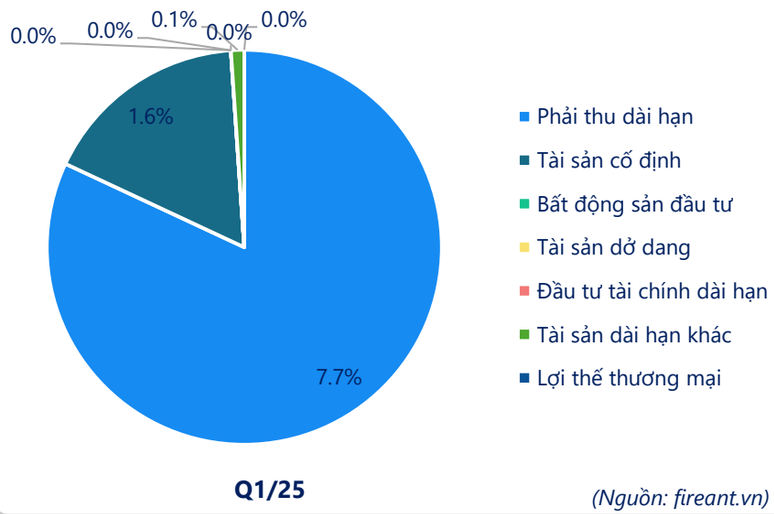

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (HNX: VLA)

Tiền và tương đương tiền

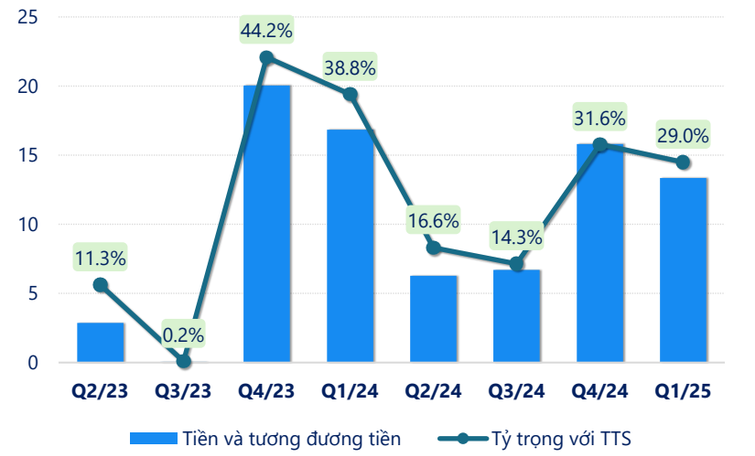

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

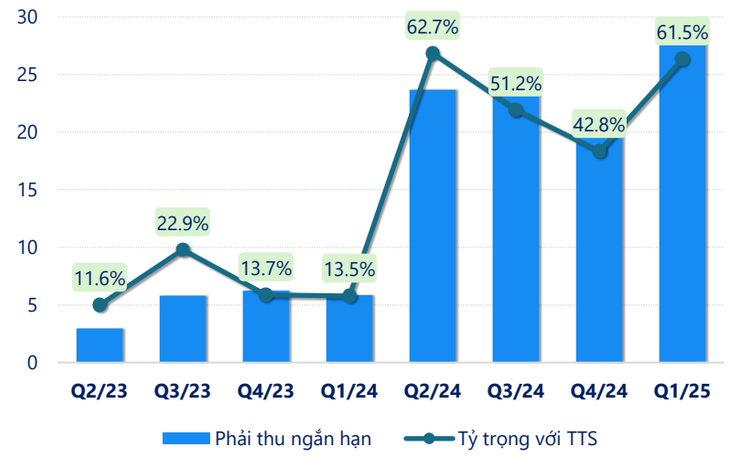

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

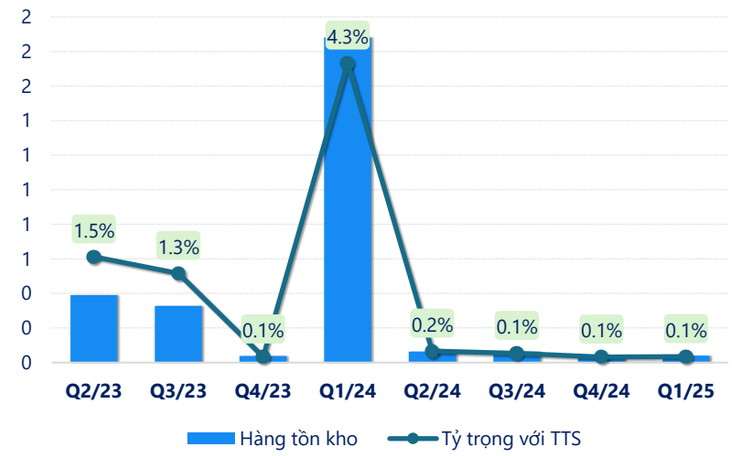

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

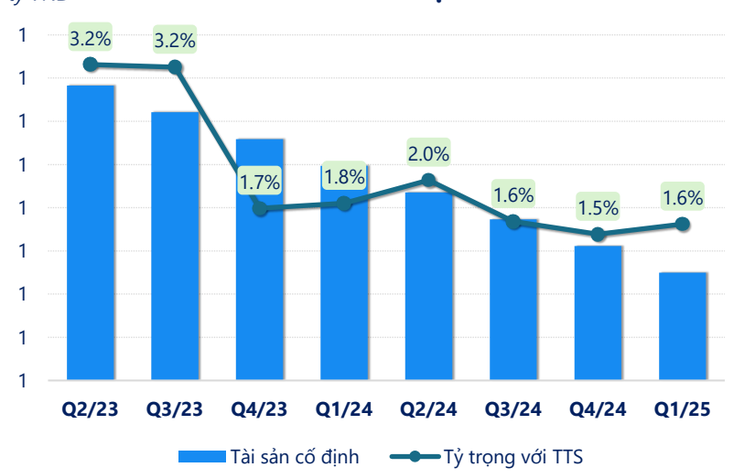

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

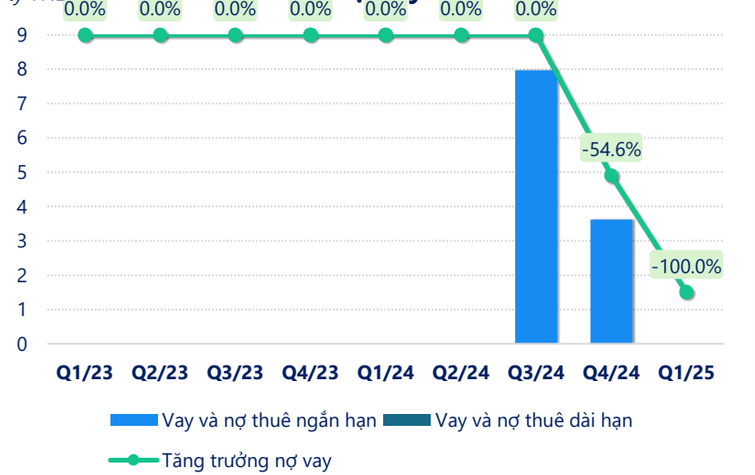

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

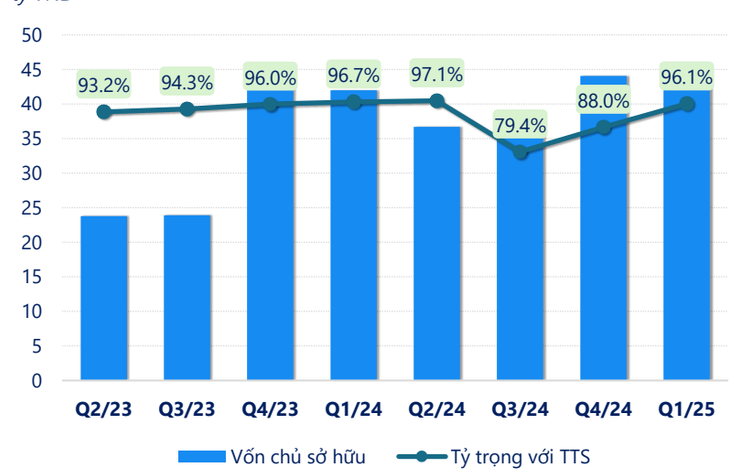

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (HNX: VLA)

Kết quả kinh doanh

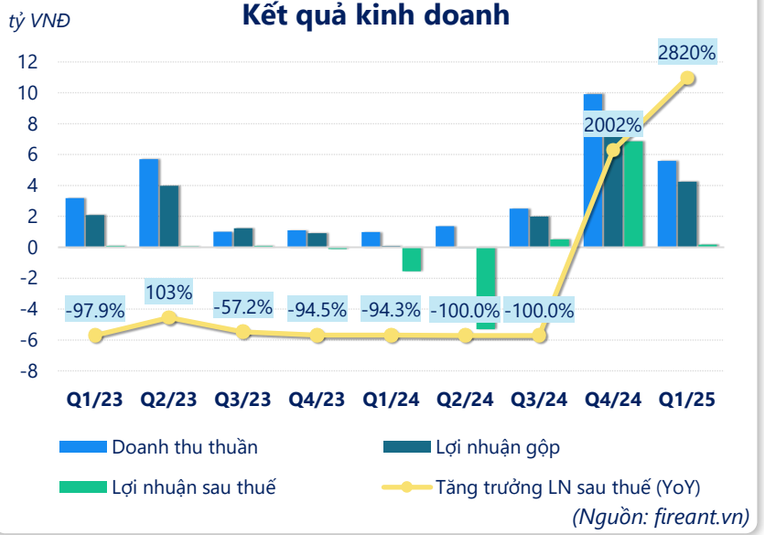

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

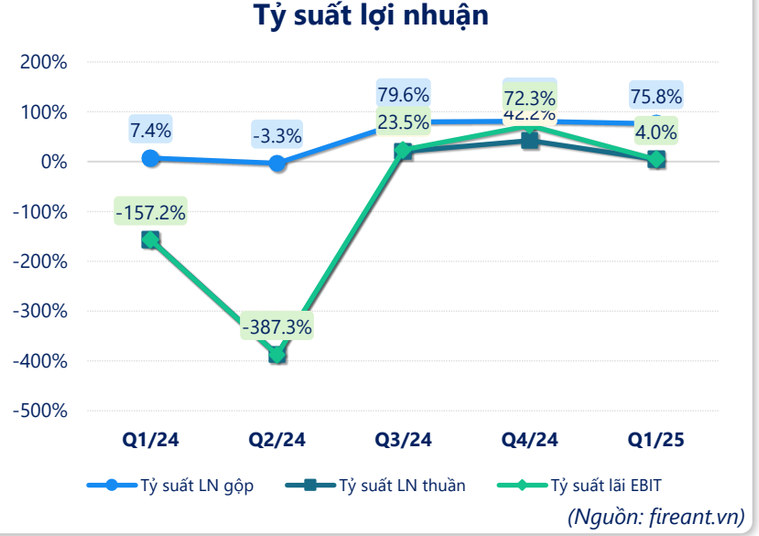

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

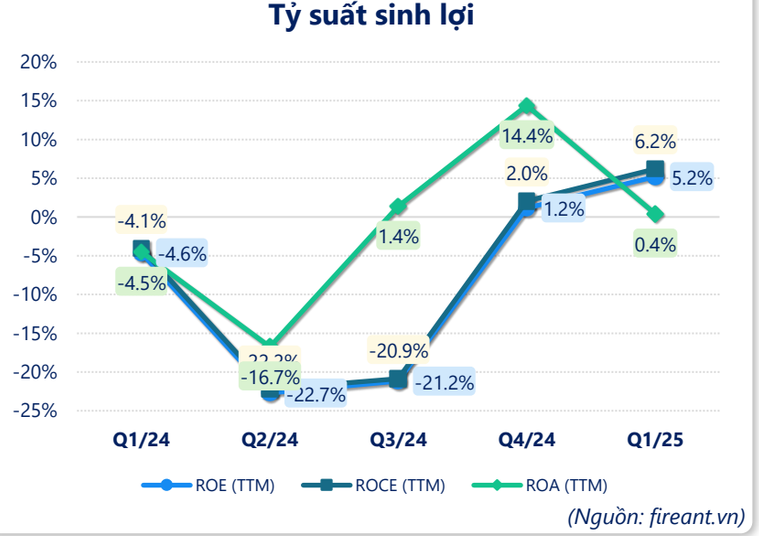

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

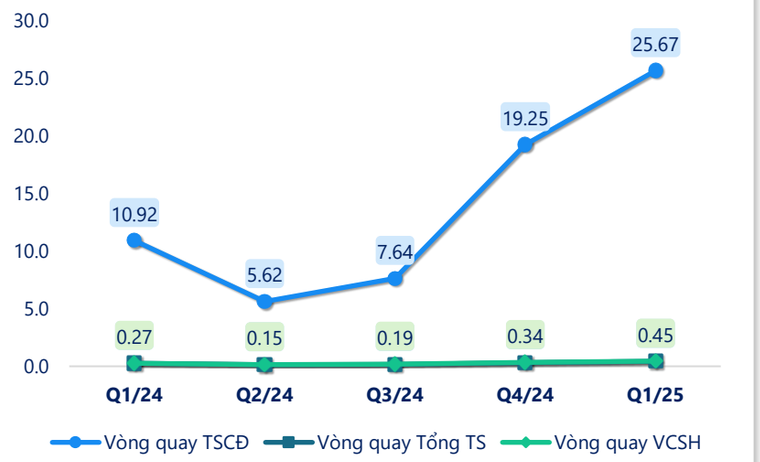

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

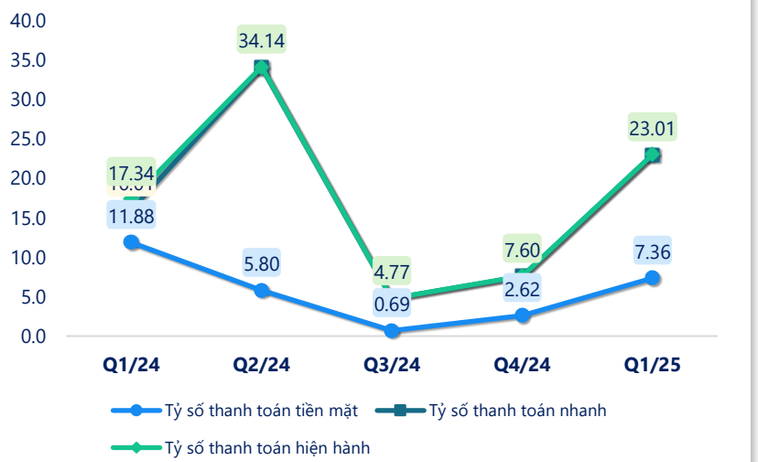

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

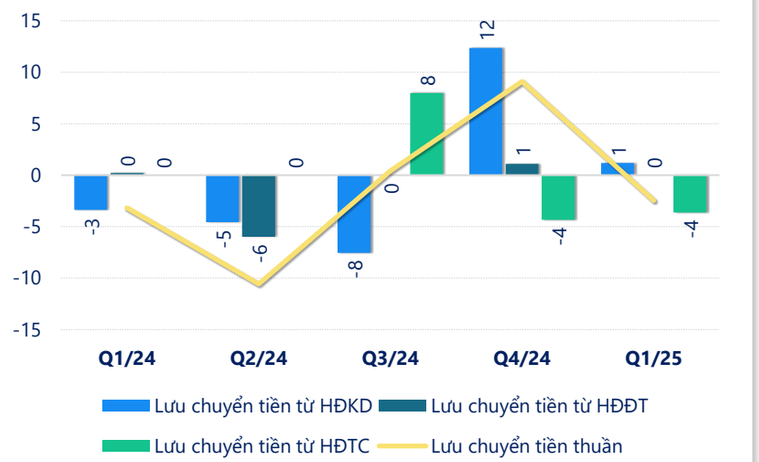

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (HNX: VLA)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**46.1**	**50.1**	**-8.0%**
Tài sản ngắn hạn	41.8	45.8	-8.9%
Tiền và tương đương tiền	13.4	15.8	-15.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	8.55	-100%
Phải thu ngắn hạn	28.3	21.4	32.3%
Hàng tồn kho	0.04	0.04	-0.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.03	-0.2%
Tài sản dài hạn	**4.30**	**4.25**	**1.3%**
Phải thu dài hạn	3.53	3.45	2.2%
Tài sản cố định	0.73	0.74	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.05**	**0.05**	**-11.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.81	6.02	-69.9%
Nợ ngắn hạn	**1.81**	**6.02**	**-69.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.62	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.75	0.94	-20.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**44.2**	**44.1**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**44.2**	**44.1**	**0.4%**
Vốn điều lệ	40.0	40.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	0.99	1.37	2.50	9.91	5.60
Giá vốn hàng bán	0.92	1.41	0.51	1.87	1.35
Lợi nhuận gộp	0.07	-0.04	1.99	8.04	4.25
Doanh thu HĐTC	0.00	0.06	0.84	0.95	0.60
Chi phí TC	0	0.05	0.44	0.75	-0.43
Chi phí lãi vay	0	0	0.08	0.09	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.96	4.42	1.34	3.44	4.39
Chi phí QLDN	0.67	0.84	0.54	0.61	0.65
LN thuần từ HĐKD	-1.55	-5.29	0.50	4.18	0.23
Lợi nhuận khác	0.00	-0.01	0.00	2.89	0.00
LN trước thuế	-1.55	-5.30	0.50	7.07	0.23
Lợi nhuận sau thuế	-1.56	-5.30	0.50	6.86	0.18
LNST của CĐ cty mẹ	-1.56	-5.30	0.50	6.86	0.18

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.38	-4.57	-7.54	12.3	1.17
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.20	-5.99	-0.01	1.11	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	7.97	-4.35	-3.62
Tiền đầu kỳ	20.0	16.9	6.29	6.71	15.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.18**	**-10.6**	**0.42**	**9.10**	**-2.45**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.9	6.29	6.71	15.8	13.4

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic